

PHẦN I. VĂN BẢN:

1. Thơ hiện đại: - Học thuộc lòng các bài thơ và nắm được tên tác giả, hoàn cảnh sáng tác, giá trị nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa nhan đề của các bài thơ:

- Mùa xuân nho nhỏ - *Thanh Hải*
- Viếng lăng Bác - *Viễn Phương*.

2. Truyện hiện đại: Học thuộc và nắm được tên tác giả, hoàn cảnh sáng tác, tóm tắt, giá trị nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa nhan đề của văn bản truyện.

- Những ngôi sao xa xôi – *Lê Minh Khuê*

* Lập bảng thống kê theo mẫu.

stt	Tên VB	Tác giả	Thể loại	Nội dung	Nghệ thuật	Ý nghĩa
1	Mùa xuân nho nhỏ	Thanh Hải	- Thơ 5 chữ	- Vẻ đẹp trong trẻo, đầy sức sống của thiên nhiên đất trời mùa xuân và cảm xúc say sưa, ngây ngất của nhà thơ. - Vẻ đẹp và sức sống của đất nước qua mấy nghìn năm lịch sử. - Khát vọng, mong ước được sống có ý nghĩa, được cống hiến cho đất nước, cho cuộc đời của tác giả.	- Bài thơ có giọng điệu vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết, đau xót, tự hào, phù hợp với nội dung cảm xúc của bài. - Viết theo thể thơ 8 chữ có đôi chỗ biến thể, cách gieo vần và nhịp điệu thơ linh hoạt. - Sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh thơ, kết hợp cả hình ảnh thực, hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng có ý nghĩa khái quát và giá trị biểu cảm cao. - Lựa chọn ngôn ngữ biểu cảm, sử dụng các ẩn dụ, điệp	- Bài thơ thể hiện những rung cảm tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, đất nước và khát vọng được cống hiến cho đất nước, cho cuộc đời

					từ có hiệu quả nghệ thuật.	
2	Viếng lăng Bác	Viễn Phương	Thể thơ tám chữ	- Tâm trạng vô cùng xúc động của một người con từ chiến trường miền Nam được ra viếng Bác. - Tấm lòng thành kính thiêng liêng trước công lao vĩ đại và tâm hồn cao đẹp, sáng trong của Người. - Nỗi đau xót tột cùng của nhân dân ta nói chung, của tác giả nói riêng khi Bác không còn nữa - Tâm trạng lưu luyến và mong muốn được mãi bên Bác	- Giọng điệu vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết, đau xót, tự hào, phù hợp với nội dung cảm xúc bài thơ. - Thể thơ 8 chữ có đôi chỗ biến thể, cách gieo vần và nhịp điệu thơ linh hoạt. - Sáng tạo trong việc xây dựng h/ả thơ... - Lựa chọn ngôn ngữ biểu cảm, sử dụng các ẩn dụ, điệp từ có hiệu quả nghệ thuật.	Bài thơ thể hiện tâm trạng xúc động, tấm lòng thành kính, biết ơn sâu sắc của tác giả khi vào lăng viếng Bác.
3	Những ngôi sao xa xôi	Lê Minh Khuê	Truyện ngắn	- Hoàn cảnh sống, chiến đấu của ba cô gái TNXP. - N/v Phương Định: Duyên dáng, trẻ trung, lãng mạn, dũng cảm... - Hiện thực chiến tranh khốc liệt trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước ở một trọng điểm giao thông. - Vẻ đẹp của các nhân vật tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng CMVN	- Sử dụng ngôi thứ nhất, lựa chọn người kể chuyện đồng thời là nhân vật trong truyện. - Miêu tả tâm lí và ngôn ngữ nhân vật. - Có lời trần thuật, lời đối thoại tự nhiên.	Truyện ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của ba cô gái thanh niên xung phong trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt.

				trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước.		
--	--	--	--	---	--	--

PHẦN II. TIẾNG VIỆT:

1. Khởi ngữ

- Đặc điểm của khởi ngữ:
 - + Là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.
 - + Trước khởi ngữ thường có thêm các từ: về, đối với.
- Công dụng: Nêu lên đề tài được nói đến trong câu.
- Ví dụ:
 - **Làm bài tập** thì tôi đã làm rồi.
 - **Hăng hái học tập**, đó là đức tính tốt của người học sinh.

2. Các thành phần biệt lập

- Thành phần biệt lập là thành phần không tham gia vào việc diễn đạt sự việc của câu.

a. Thành phần tình thái là thành phần được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

VD: - Cháu mời bác vào trong nhà uống nước **ạ** !

- **Chắc chắn** ngày mai trời sẽ nắng.

b. Thành phần cảm thán là thành phần được dùng để bộc lộ thái độ, tình cảm, tâm lí của người nói (vui, mừng, buồn, giận...); có sử dụng những từ ngữ như: chao ôi, a , ời, trời ời.... Thành phần cảm thán có thể được tách thành một câu riêng theo kiểu câu đặc biệt.

VD: + **Ôi** ! hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa vẫn thẳng hàng (Viễn Phương)

+ **Trời ơi**, lại sắp mưa to nữa rồi!

c. Thành phần gọi - đáp là thành phần biệt lập được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp; có sử dụng những từ dùng để gọi – đáp.

VD: + **Vâng**, con sẽ nghe theo lời của mẹ.

+ **Này**, rồi cũng phải nuôi lấy con lợn...mà ăn mừng đây ! (Kim Lân)

d. Thành phần phụ chú là thành phần biệt lập được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu; thường được đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn hoặc giữa hai dấu gạch ngang với dấu phẩy. Nhiều khi thành phần phụ chú cũng được đặt sau dấu ngoặc chấm.

VD: + Lão không hiểu tôi, **tôi nghĩ vậy**, và tôi càng buồn lắm (Nam Cao)

+ Vũ Thị Thiệt, **người con gái quê ở Nam Xương**, tính đã thùy mị nét na lại thêm tư dung tốt đẹp.

3. Các phép liên kết câu và liên kết đoạn văn

Câu văn, đoạn văn trong văn bản phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức:

- Liên kết nội dung: các đoạn văn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu văn phải phục vụ chủ đề chung của đoạn (liên kết chủ đề); các đoạn văn, câu văn phải được sắp xếp theo trình tự hợp lí (liên kết logic).

- Liên kết về hình thức: các câu văn, đoạn văn có thể được liên kết với nhau bằng một số biện pháp chính là phép lặp, phép đồng nghĩa, trái nghĩa, phép liên tưởng, phép thế, phép nối.

a. Phép lặp từ ngữ: là cách lặp lại ở câu đứng sau những từ đã có ở câu trước.

VD: Tôi nghĩ đến những niềm hi vọng, bỗng nhiên hoảng sợ. Khi Nhuận Thổ xin chiếc lư hương và đôi đèn nến, **tôi** cười thầm, cho rằng anh ta lúc nào cũng không quên sùng bái tượng gỗ. (Lỗ Tấn). (*Lặp từ tôi*)

b. Phép LK dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng

- Câu sau được liên kết với câu trước nhờ các từ đồng nghĩa.

VD: ... Hàng năm **Thủy Tinh** làm mưa làm gió, bão lụt dâng nước đánh **Sơn Tinh**. Nhưng năm nào cũng vậy, **Thần Nước** đánh mỗi mệt, chán chê vẫn không thắng nổi **Thần Núi** để cướp Mị Nương, đành rút quân về. (Sơn Tinh, Thủy Tinh)

- Câu sau liên kết với câu trước nhờ các từ trái nghĩa.

VD: Trên ghé bà đầm ngoi đít vịt

Dưới sân ông cử ngồng đầu rồng (Tú Xương)

- Câu sau liên kết với câu trước nhờ những từ ngữ cùng trường liên tưởng.

VD: Bà lão đầm đầm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy **hai con mắt**. (Kim Lân)

c. Phép thế: là cách sử dụng ở câu sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước.

Các yếu tố thế:

- Dùng các chỉ từ hoặc đại từ như: đây, đó, ấy, kia, thế, vậy..., nó, hắn, họ, chúng nó... thay thế cho các yếu tố ở câu trước, đoạn trước.

- Dùng tổ hợp “danh từ + chỉ từ” như: cái này, việc ấy, điều đó,... để thay thế cho yếu tố ở câu trước, đoạn trước.

Các yếu tố được thay thế có thể là từ, cụm từ, câu, đoạn.

VD: Nghệ sĩ điện truyền thẳng vào tâm hồn chúng ta. **Ấy** là điểm màu của nghệ thuật. (Nguyễn Đình Thi) (*Chỉ từ* thay thế cho *câu*)

d. Phép nối:

Các phương tiện nối:

Sử dụng quan hệ từ để nối: và, rồi, nhưng, mà, còn, nên, cho nên, vì, nếu, tuy, để...

VD: Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. **Nhưng** nghệ sĩ không ghi lại những cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. (Nguyễn Đình Thi)

Sử dụng các từ chuyển tiếp: những quán ngữ như: một là, hai là, trước hết, cuối cùng, nhìn chung, tóm lại, thêm vào đó, hơn nữa, ngược lại, vả lại ...

VD: Cụ cứ tưởng thế chứ nó chẳng hiểu gì đâu! **Vả lại** ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt ! (Nam Cao)

Sử dụng tổ hợp “quan hệ từ, đại từ, chỉ từ”: vì vậy, nếu thế, tuy thế... ; thế thì, vậy nên ...

VD: Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. **Vì vậy** ta phải kéo quan ra đánh đuổi chúng. (Ngô gia văn phái).

4. Nghĩa tường minh và hàm ý

+ Nghĩa tường minh là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.

+ Hàm ý là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.

VD: An: - Chiều mai cậu đi đá bóng với tớ đi .

Bình: - Chiều mai tớ đi học toán rồi. (*Hàm ý: Tớ không đi đá bóng được*)

An: - Thế à, buồn nhỉ.

Điều kiện sử dụng hàm ý: + Người nói (người viết) có ý đưa hàm ý vào câu nói.

+ Người nghe (người đọc) có năng lực giải đoán hàm ý.

PHẦN III. TẬP LÀM VĂN:

1. Lý thuyết:

-Nắm được một số phép lập luận trong văn nghị luận như: phân tích, tổng hợp.

-Phân biệt các kiểu bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống, nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí, nghị luận văn học (Nghị luận thơ và nghị luận về tác phẩm truyện.)

-Biết liên kết câu, liên kết đoạn văn trong văn bản để viết được đoạn văn, bài văn mạch lạc có liên kết .

- Ôn dàn ý các bài

***Nghị luận xã hội**

+ Nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống .

+ Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý.

***Nghị luận văn học**

+ Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

+ Nghị luận về một tác phẩm truyện, đoạn trích.

2.Thực hành

- Tập viết văn bản nghị luận xã hội có sử dụng các phép liên kết

- Nghị luận thơ, truyện: Mùa xuân nho nhỏ,Viếng lăng Bác, Những ngôi sao xa xôi.

---Hết---